

được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh H1 ham chơi, không tu chí làm ăn. Sau khi mâu thuẫn xảy ra gia đình 2 bên đã nhiều lần can thiệp nhưng anh H1 vẫn không thay đổi. Đến tháng 5/2025 mâu thuẫn trầm trọng, chị H về nhà bố mẹ đẻ tại thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị H xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục đoàn tụ được nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và anh Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/12/2020. Hiện cháu đang ở cùng chị N tại thôn G, xã T, tỉnh Thanh Hóa, cháu đang còn đi học, khỏe mạnh, phát triển tốt. Nay ly hôn nguyện vọng của chị N là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K

Về phần cấp dưỡng, đóng góp nuôi con chung: Không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng, đóng góp nuôi con chung.

Hiện nay chị H đang làm việc tại công ty I địa chỉ tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Mức thu nhập hàng tháng là 8.000.000đ. Sau khi ly hôn chị H sống chung với bố mẹ đẻ tại thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa, ông bà còn trẻ khỏe, minh mẫn, sức khỏe tốt nên có thể giúp đỡ chị chăm sóc cháu K những lúc chị bận công việc

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 không có mặt tại Việt Nam và không có địa chỉ cụ thể ở nước H.

Tại biên bản xác minh ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị L (là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H1) trình bày:

Anh Nguyễn Văn H1 và chị Trần Thị H kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng anh H1 sống cùng gia đình nhà chồng, quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì, sau khi anh H1 đi xuất khẩu lao động được một thời gian thì khoảng tháng 5 năm 2025 chị H và con đã về nhà bố mẹ đẻ sống, còn nguyên nhân vì sao chị H làm đơn xin ly hôn thì gia đình không biết.

Quá trình chung sống chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/12/2020. Hiện tại cháu đang sống cùng chị N tại gia đình bố mẹ đẻ chị N.

Cuối năm 2024 anh H1 đã đi xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc, hiện tại gia đình không có địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước Hàn Quốc, gia đình chỉ liên lạc với anh H1 qua điện thoại. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H gia đình đã nhận đầy đủ các thông báo, quyết định của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết về yêu cầu khởi kiện của chị H, tuy nhiên anh H1 không có ý kiến gì. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh đại diện Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Trần Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/8/2020. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không

nắm được vì vợ chồng không báo cáo nhờ các cơ quan đoàn thể hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện tại chị H và con đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/12/2020, hiện nay cháu đang sống cùng chị H tại nhà bố mẹ đẻ chị H, cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, không bị đánh đập, bạo hành và được học tập đầy đủ.

Về điều kiện nuôi con của chị H: Chị H có sức khỏe và làm nghề lao động tự do, thu nhập cụ thể bao nhiêu địa phương không nắm được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/12/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị H2 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn H1 hiện tại đang sinh sống tại nước Hàn Quốc, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa theo quy định tại Điều 3 Nghị Quyết 81/2025/UBTVQH15 của ủy ban thường vụ quốc hội: Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị Trần Thị H cung cấp địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh H1 ở Việt Nam, địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa, không cung cấp được địa chỉ của anh H1 ở tại nước Hàn Quốc. Gia đình anh H1 thường xuyên liên lạc bằng mạng xã hội, điện thoại với anh H1, nhưng không biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc, sinh sống của anh H1 tại Hàn Quốc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định tố tụng cho anh H1 thông qua ông Nguyễn Văn P là bố đẻ của anh Nguyễn Văn H1, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa là nơi gia đình anh H1 đang sinh sống; gia đình anh Hiệp đồng Ý nhận văn bản, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa và đã thông báo đầy đủ

thông tin cho anh H1 biết, nhưng anh H1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi ý kiến cho Tòa án.

Anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 các văn bản tố tụng, nhưng anh H1 vắng mặt tại phiên tòa; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/8/2020. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, sống không có hạnh phúc. Tháng 12 năm 2024 anh H1 đi xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc, khi đi không thông báo cho chị H biết địa chỉ hiện nay của anh H1 tại Hàn Quốc. Đến tháng 5/2025 mâu thuẫn trầm trọng, chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

[3] Về con chung: Vợ chồng có Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/12/2020. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị H, nguyện vọng của chị H là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

Xét thấy: Hiện nay anh H1 đang làm việc và sinh sống ở nước Hàn Quốc, chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu phát triển tốt, đảm bảo về mọi mặt, do đó tiếp tục giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị Quyết 81/2025/UBTVQH15 của ủy

ban thường vụ quốc hội: Thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

Điều 51, Điều 56, 57, điều 81; điều 82; điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/12/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn H1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000270, ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- VKS Khu vực 3 – Thanh Hóa;
- Thi hành án DS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thiệu Toán;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan